



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 10/2024

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Thông tư số 71/2024/TT-BTC (TT 71) ngày 07/10/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Thông tư này hướng dẫn về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, nguyên tắc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã); không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của hợp tác xã đối với ngân sách Nhà nước. Việc ghi sổ kế toán phải căn cứ vào các chứng từ kế toán được phản ánh trên cơ sở các giao dịch kinh tế phát sinh và đã hoàn thành. Hợp tác xã phải tuân thủ các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan khi thực hiện các giao dịch kinh tế.

Quy định về tài khoản kế toán:

- Tài khoản kế toán dùng để phân loại và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế, tài chính theo nội dung kinh tế.
- Hợp tác xã áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo TT 71 để phục vụ việc ghi sổ kế toán.

Tài khoản kế toán áp dụng cho hợp tác xã bao gồm loại tài khoản trong bảng (bao gồm các tài khoản từ loại 1 đến loại 6 và tài khoản loại 9) và loại tài khoản ngoài bảng (tài khoản loại 0).

Đối với các tài khoản trong bảng thì được hạch toán kép (nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào bên Nợ của ít nhất một tài khoản và hạch toán vào bên Có của ít nhất một tài khoản khác).

Đối với các tài khoản ngoài bảng thì được hạch toán đơn (nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ hạch toán vào bên Nợ hoặc bên Có của một tài khoản, không hạch toán đối ứng với tài khoản khác).

- Hợp tác xã được bổ sung các tài khoản chi tiết cho các tài khoản đã được quy định trong danh mục hệ thống tài khoản kế toán (Phụ lục I) ban hành kèm theo TT 71 để hạch toán chi tiết phù hợp với yêu cầu quản lý của hợp tác xã.
- Trường hợp cần bổ sung tài khoản ngang cấp với các tài khoản đã được quy định trong danh mục hệ thống tài khoản kế toán (Phụ lục I) ban hành kèm theo TT 71 thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định của Luật kế toán để đảm bảo thống nhất trong sử dụng tài khoản và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính, tránh bỏ sót hoặc trùng lặp thông tin báo cáo tài chính.
- Danh mục hệ thống tài khoản kế toán, giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp hạch toán tài khoản kế toán nêu tại Phụ lục I “Danh mục hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán” ban hành kèm theo TT 71.



Quy định về chứng từ kế toán:

- Chứng từ kế toán áp dụng cho các hợp tác xã thực hiện theo quy định của Luật kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật kế toán, các văn bản pháp luật khác có liên quan đến chứng từ kế toán và các quy định trong TT 71.
- Hợp tác xã được chủ động xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán quy định tại Luật kế toán, phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, an toàn tài sản, nguồn vốn,... của hợp tác xã, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- Chứng từ kế toán điện tử ngoài thực hiện theo quy định của Luật kế toán còn phải thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn các luật trên cũng như các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Trường hợp hợp tác xã không tự xây dựng và thiết kế biểu mẫu chứng từ cho riêng đơn vị mình thì hợp tác xã áp dụng hệ thống biểu mẫu chứng từ kế toán và phương pháp lập chứng từ kế toán theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo TT 71.

TT 71 có hiệu lực từ ngày 7/10/2024, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/10/2025.

2. Quyết định số 2156/QĐ-BTC ngày 16/09/2024 của Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Bộ Tài chính sửa đổi thủ tục “**Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử/ Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử**”, thực hiện theo Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Theo đó, đối với thủ tục đăng ký đăng ký, cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử trực tiếp qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, bổ sung nội dung sau:

“Đối với người nộp thuế là cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; đồng thời hệ thống định danh, xác thực điện tử và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đã được kết nối, vận hành thì người nộp thuế là cá nhân được sử dụng tài khoản định danh điện tử thay thế cho việc xuất trình chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước để tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký, cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử theo các bước công việc tại điểm b.1 khoản 1 Điều 10 Thông tư này; yêu cầu kích hoạt tài khoản giao dịch điện tử cho người nộp thuế là cá nhân được gửi qua số điện thoại đã đăng ký hoặc email đã đăng ký”.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/8/2024.

II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 4212/TCT-CS ngày 23/9/2024 của Tổng cục Thuế về tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 207/2014/NĐ-CP ngày 26/12/2014 của Bộ Tài chính thì **đơn giá thuê đất** sử dụng vào mục đích **sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản** được **ổn định 05 năm** tính từ thời điểm phải chuyển sang thuê đất. Hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất, căn cứ giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, mức tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, cơ quan thuế xác định lại đơn giá thuê đất và thông báo số tiền thuê đất phải nộp hàng năm của chu kỳ ổn định tiếp theo cho tổ chức thuê đất.

Căn cứ các quy định tại Điều 32, khoản 11 Điều 51 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP (NĐ 103) ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (có hiệu lực từ ngày 01/8/2024) thì trường hợp thuê đất **trả tiền thuê đất hàng năm** mà thời điểm điều chỉnh đơn giá thuê đất trước ngày NĐ 103 có hiệu lực nhưng chưa được điều chỉnh thì tính tiền thuê đất theo quy định tại Điều 30 NĐ 103 để áp dụng cho chu kỳ tiếp theo. Tiền thuê đất được ổn định 05 năm, hết chu kỳ ổn định thì thực hiện việc điều chỉnh theo quy định tại Điều 30 NĐ 103. Đối với thời gian sử dụng đất nhưng chưa thực hiện điều chỉnh đơn giá thuê đất thì thực hiện **điều chỉnh theo pháp luật của từng thời kỳ** để thực hiện thanh, quyết toán tiền thuê đất.

2. Công văn số 4394/TCT-CS ngày 01/10/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách tiền thuê đất

Hồ sơ **miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước** được thực hiện như sau:

- Từ ngày 01/01/2018 đến trước ngày 05/12/2020 (ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành): Theo quy định tại Nghị định số 123/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật về đầu tư.

- Từ ngày 05/12/2020 đến nay: Theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ, Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

3. Công văn số 4431/TCT-DNNCN ngày 03/10/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách lệ phí trước bạ phương tiện đã qua sử dụng

Trường hợp ô tô, xe máy đã qua sử dụng **chưa có giá** tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá, chưa có kiểu loại xe tương đương tại Bảng giá, căn cứ vào cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP, **Cục Thuế xác định**, thông báo cho các Chi cục Thuế giá tính lệ phí trước bạ **áp dụng thống nhất** trên địa bàn theo quy định.



4. Công văn số 4473/TCT-CS ngày 07/10/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

Căn cứ Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (TT 219) ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế suất 0% như sau:

Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh.

Trường hợp Công ty có đủ tài liệu chứng minh việc giao nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam thì được áp dụng thuế suất 0% theo quy định tại TT 219; trường hợp không có đủ tài liệu, chứng từ chứng minh hàng hóa giao nhận ở ngoài Việt Nam thì không đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0%.

5. Công văn số 4641/TCT-CS ngày 17/10/2024 của Tổng cục Thuế giải đáp chính sách tiền thuê đất

Dự án của Công ty thuộc trường hợp **đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê** thì **không thuộc đối tượng** được xem xét miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP và khoản 10 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ.

6. Công văn số 4551/TCT-CS ngày 11/10/2024 của Tổng cục Thuế về việc kê khai, miễn, giảm thuế đối với hàng vận tải nước ngoài

Trường hợp Công ty là **đại lý của hãng vận tải nước ngoài** (VTNN), được hãng VTNN ủy quyền kê khai, nộp thuế và làm thủ tục miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thay cho hãng VTNN thì việc kê khai, miễn, giảm thuế đối với hãng VTNN được thực hiện như sau:

6.1. Khai thuế đối với hãng VTNN

Đại lý của hãng VTNN có **trách nhiệm kê khai, nộp thuế và nộp hồ sơ khai thuế** cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp Đại lý của hãng VTNN thay cho hãng VTNN theo quy định tại điểm g Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/9/2020 của Chính phủ.

6.2. Nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định

Trường hợp hãng VTNN thuộc diện **miễn, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần** giữa Việt Nam và Singapore thì Đại lý của hãng VTNN nộp cho cơ quan thuế hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế theo quy định tại điểm b.3 khoản 1 Điều 62 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.



7. Công văn số 4395/TCT-CS ngày 01/10/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

Về nguyên tắc dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu dự án đầu tư **thực hiện lần đầu** hoặc dự án đầu tư **độc lập** với dự án đầu tư đang hoạt động, đáp ứng điều kiện về lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư (trừ dự án đầu tư hình thành từ việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp; dự án đầu tư hình thành từ việc chuyển đổi chủ sở hữu), được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Việc thực hiện dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Theo đó, trường hợp Cục Thuế còn có vướng mắc liên quan đến việc tách công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đề nghị **Cục Thuế trao đổi với cơ quan chức năng về đầu tư** để xác định cụ thể. Trên cơ sở đó, căn cứ quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật thuế TNDN, quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế thực hiện dự án đầu tư để hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

8. Công văn số 4566/TCT-KK ngày 14/10/2024 của Tổng cục Thuế về hoàn thuế GTGT

Trường hợp Công ty có trụ sở chính tại tỉnh A, thực hiện **dự án đầu tư mới** tại tỉnh B. Tháng 2/2021, dự án đã đi vào hoạt động. Công ty không nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mà thực hiện kết chuyển số thuế GTGT của dự án đầu tư chưa được hoàn sang tờ khai mẫu 01/GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh thì nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu (*bao gồm số thuế GTGT đầu vào của hoạt động đầu tư; xây dựng, hình thành tài sản cố định đáp ứng quy định pháp luật về đầu tư và phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu*), **sau khi bù trừ** với số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa còn lại **từ 300 triệu đồng trở lên** thì được hoàn thuế, số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%.

9. Công văn số 4568/TCT-DNNCN ngày 14/10/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNCN đối với hộ kinh doanh trực tiếp chăn nuôi gà

Trường hợp hộ kinh doanh bán **thịt gà tươi sống chỉ qua sơ chế** đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC (TT 26) ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính thì thuộc diện không chịu thuế GTGT. Trường hợp cá nhân **trực tiếp tham gia** vào hoạt động chăn nuôi gà đồng thời đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, Điều 1 TT 26 ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính; tiết e, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thu nhập từ hoạt động chăn nuôi gà được **miễn thuế TNCN** nếu cá nhân có đăng ký cư trú tại địa phương nơi diễn ra hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật về cư trú nêu trên.



10. Công văn số 4482/TCT-QLN ngày 07/10/2024 của Tổng cục Thuế về việc xác định nghĩa vụ nộp tiền chậm nộp

Khoản tiền chậm nộp phát sinh từ việc Công ty chậm nộp khoản tiền thuế TNCN của nhân sự nước ngoài từ năm 2018 nhưng đến 31/5/2023 Công ty mới khai thay, nộp thay thuế TNCN của nhân sự nước ngoài vào Ngân sách nhà nước.

Công ty có **trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay** cho nhân sự nước ngoài đối với hoạt động chuyển nhượng vốn và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định về việc khai thuế, nộp thuế như quy định với người nộp thuế, **trong đó có trách nhiệm nộp tiền chậm nộp** nêu trên vào Ngân sách nhà nước.

11. Công văn số 4515/TCT-CS ngày 09/10/2024 của Tổng cục Thuế về hệ số phân bổ xác định tiền thuê đất phải nộp

Theo quy định tại tiết c điểm 7a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP thì đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê có sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích đất, một phần hoặc toàn bộ diện tích nhà, công trình xây dựng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước mà không tách riêng được diện tích phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết thì **số tiền thuê đất phải nộp được xác định theo hệ số phân bổ**; Hệ số phân bổ được xác định bằng **tỷ lệ giữa doanh thu** từ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết **với tổng dự toán thu** của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2024, Chính phủ đã ban hành **Nghị định số 103/2024/NĐ-CP** (có hiệu lực từ ngày 1/8/2024) trong đó quy định về thu tiền thuê đất của đơn vị sự nghiệp công lập theo Luật Đất đai năm 2024 và quy định xử lý chuyển tiếp (khoản 3 Điều 51) về tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao đất, cho thuê đất trước ngày 1/8/2024.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Trọng Hiếu
Cố vấn chiến lược
0914 015 678
hie.u.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Hải Nam
Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc
0916 020 113
nam.nguyen@ecovis.com.vn



Trần Dương Nghĩa
Phó Chủ tịch HĐQT /
Phó Tổng Giám đốc
0916 538 539
nghia.tran@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc
0917 705 379
dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung
Phó Chủ tịch HĐQT
0935 58 3456
trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông
Trưởng phòng Tư vấn - Đào tạo
0944 322 988
dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang
Phó phòng Tư vấn – Đào tạo
0933 224 968
giang.nguyen@ecovis.com.vn

